

Số: 05 /BC-SNN

Bắc Giang, ngày 09 tháng 01 năm 2014

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện chính sách miễn thu thủy lợi phí theo Nghị định số 115/2008/NĐ-CP.

Thực hiện Công văn số 4610/BNN-TCTL ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Công văn số 38/UBND-NN ngày 07 tháng 01 năm 2014 của UBND tỉnh về việc báo cáo tình hình thực hiện chính sách miễn thu thủy lợi phí theo Nghị định số 115/2008/NĐ-CP. Sở Nông nghiệp và PTNT báo cáo như sau:

1. Thực trạng miễn thu thủy lợi phí của tỉnh theo Nghị định số 115/2008/NĐ-CP.

a) Khái quát công trình và mô hình tổ chức quản lý khai thác công trình thủy lợi.

- Tỉnh Bắc Giang có 129.599,16 ha đất sản xuất nông nghiệp (chiếm 33,66% diện tích tự nhiên 384.971,4ha) trong đó đất trồng lúa 71.508,25 ha, đất trồng cỏ 332,33 ha, đất trồng cây hàng năm khác 6.688,17 ha và đất nuôi trồng thủy sản 5.874,41 ha (chiếm 1,53% diện tích tự nhiên).

- Bắc Giang có 5 vùng thủy lợi là: Vùng Sông Cầu, Vùng Cẩm Sơn - Cầu Sơn, Vùng Nam Yên Dũng, Vùng Sông Sỏi, Vùng Sông Lục Nam. Toàn tỉnh hiện có 1.642 công trình thủy lợi gồm 618 hồ chứa (31 hồ dung tích chứa từ 1 triệu m³ đến trên 248 triệu m³; 587 hồ chứa có dung tích dưới 1 triệu m³; 202 đập dâng (02 đập dâng lớn và 200 đập nhỏ); 822 trạm bơm (52 trạm vừa và lớn), 770 trạm cục bộ nhỏ); 7.924 km kênh mương tưới, tiêu các cấp (kênh tưới dài 6.481km kiên cố hóa 2.474 km đạt 38%, kênh tiêu dài 1.443km kênh đất) số công trình này do 05 Công ty TNHH một thành viên KTCTTL và các địa phương trực tiếp quản lý khai thác và bảo vệ theo quy định hiện hành (05 công ty TNHH một thành viên KTCTTL quản lý 33 hồ; 10 huyện, thành phố quản lý 585 hồ).

- Các loại hình và số lượng tổ chức làm nhiệm vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi hiện nay của tỉnh có 05 công ty TNHH một thành viên KTCTTL 100% vốn nhà nước là (Sông Cầu, Cầu Sơn, Nam Yên Dũng, Lục Ngạn, Yên Thế) và 349 hợp tác xã và tổ chức hợp tác dùng nước (01 liên hiệp Hợp tác xã, 165 Hợp tác xã nông nghiệp, 188 tổ Hợp tác dùng nước) tại các huyện, thành phố. Có 05 huyện: Lạng Giang, Tân Yên, Yên Dũng, Lục Ngạn và thành phố Bắc Giang 100% là HTX, các huyện còn lại bao gồm HTX và tổ chức hợp tác dùng nước.

- Đánh giá sơ bộ về sự phù hợp:

+ Đối với loại hình các Công ty TNHH một thành viên KTCTTL làm nhiệm vụ quản lý, khai thác và bảo vệ các công trình thủy lợi có quy mô vừa và lớn, có tính chất kỹ thuật phức tạp theo mô hình hiện nay là phù hợp.

+ Đối với các tổ chức Hợp tác dùng nước (Hợp tác xã nông nghiệp và tổ Hợp tác dùng nước) được thành lập theo Luật Hợp tác xã và Thông tư số 75/2004/TT-BNN ngày 20/12/2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cơ bản là phù hợp. Tuy nhiên loại hình về tổ Hợp tác dùng nước còn kém ổn định, đa phần được thành lập sau khi có chính sách miễn thu thủy lợi phí, do vậy một số tổ chức dùng nước không có trụ sở làm việc, nguồn nhân lực trong các tổ chức dùng nước còn nhiều hạn chế, một số làm công tác kiêm nhiệm, còn một số lao động chưa qua đào tạo về chuyên môn, chế độ quản lý tài chính cho các tổ chức hợp tác dùng nước còn yếu, sử dụng các nguồn kinh phí được cấp còn lúng túng, nguồn kinh phí hoạt động của tổ chức HTDN hạn chế (chủ yếu từ nguồn cấp bù miễn thu thủy lợi phí), tiền lương, tiền công của các thành viên trong tổ chức Hợp tác dùng nước thấp, không khuyến khích cho các thành viên toàn tâm với công việc, một số thành viên của tổ chức Hợp tác dùng nước vẫn có tư tưởng ỷ lại vào kinh phí cấp bù miễn thu thủy lợi phí mà hạn chế hiệu quả phục vụ, một số chính quyền cơ sở còn ít quan tâm tới hoạt động của các tổ chức hợp tác dùng nước.

Việc phân cấp công trình thủy lợi theo Thông tư số 65/2009/TT-BNNPTNT ngày 12/10/2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Hướng dẫn tổ chức hoạt động và phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi. Năm 2012 tỉnh Bắc Giang đã thực hiện xong việc phân cấp quản lý, vận hành và khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh, cụ thể:

+ Đối với hồ chứa có dung tích chứa từ 500.000m³ trở lên hoặc có chiều cao đập từ 12 m trở lên do các Công ty TNHH một thành viên KTCTTL quản lý, các hồ còn lại do các địa phương quản lý.

+ Đối với trạm bơm điện phạm vi liên xã hoặc có diện tích tưới, tiêu thiết kế từ 100ha trở lên do các Công ty TNHH một thành viên KTCTTL quản lý, các trạm bơm còn lại do các địa phương quản lý.

+ Đối với kênh mương và công trình trên kênh: Các trục kênh chính, công trình điều tiết có quy mô vừa và lớn thuộc hệ thống công trình thủy lợi liên tỉnh, liên huyện, liên xã có yêu cầu kỹ thuật về quản lý, vận hành điều tiết phức tạp, tính từ vị trí cống đầu kênh trở lên do các Công ty TNHH một thành viên KTCTTL quản lý, còn lại các kênh sau cống đầu kênh do các địa phương quản lý, vận hành khai thác và các công trình độc lập phục vụ cho địa phương có diện tích tưới, tiêu nhỏ hơn 500ha.

Sau khi thực hiện phân cấp quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, cùng với chính sách miễn thu thủy lợi phí, các Tổ chức hợp tác dùng nước đã được kiện toàn, củng cố và phát triển là điều kiện tốt cho việc quản lý, khai thác và bảo

vệ các công trình thủy lợi ở địa phương, hạn chế công trình xuống cấp dẫn đến giảm chi phí duy tu sửa chữa, việc điều tiết nước được phân phối hợp lý, sử dụng tiết kiệm nước, tăng chất lượng nước tưới, đáp ứng yêu cầu của các hộ dùng nước, góp phần tăng năng suất cây trồng, tăng diện tích tưới và tăng thu nhập cho nông dân, xoá đói giảm nghèo. Công trình thường xuyên được bảo dưỡng, duy tu sửa chữa do đó năng lực được đảm bảo và công trình được bảo vệ tốt hơn ít bị vi phạm.

- Các quy định về phân cấp quản lý khai thác công trình thủy lợi tỉnh Bắc Giang bao gồm: Quyết định số 97/2010/QĐ-UBND ngày 30/8/2010 của UBND tỉnh về việc Ban hành Quy định phân cấp quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 362/2012/QĐ-UBND ngày 29/3/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt danh mục phân cấp công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bắc Giang (báo cáo gửi kèm theo 2 quyết định trên của UBND tỉnh).

b) Tình hình thực hiện miễn thu thủy lợi phí.

**** Thuận lợi:***

+ Chính sách miễn thu thủy lợi phí trên địa bàn tỉnh cơ bản đã đáp ứng nguyện vọng của đông đảo nông dân trong tỉnh, đã giúp bà con nông dân giảm bớt chi phí đầu tư; giúp chính quyền địa phương và các Công ty TNHH một thành viên KTCTTL giảm bớt ngày công lao động phải đi thu thủy lợi phí từ đó các Công ty TNHH một thành viên KTCTTL, các tổ chức dùng nước có điều kiện sắp xếp đổi mới tổ chức, có nguồn kinh phí dành cho công tác quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, tiết kiệm chi phí cho công tác tưới, mở rộng diện tích tưới, nâng cao chất lượng tưới và trách nhiệm phục vụ, đời sống của cán bộ, công nhân, viên chức lao động trong các đơn vị thủy nông bước đầu được cải thiện.

+ Sau khi có chính sách miễn thu thủy lợi phí không còn tình trạng giàu diện tích trong hợp đồng tưới tiêu giữa các tổ chức quản lý, khai thác công trình thủy lợi với các tổ chức của người dân.

+ Tạo nguồn kinh phí ổn định cho các địa phương, đơn vị quản lý khai thác công trình thủy lợi chủ động trong hoạt động phục vụ sản xuất, dân sinh, duy tu, sửa chữa công trình thủy lợi.

**** Khó khăn:***

+ Mức thu thủy lợi phí quy định trong Nghị định số 115/2008/NĐ-CP, đối với vùng “Miền núi của cả nước” là thấp, bởi vì; các đơn vị, tổ chức làm công tác khai thác công trình thủy lợi tưới, tiêu vùng miền núi, thực tế địa bàn phục vụ quản lý rộng, diện tích phân tán, địa hình phức tạp độ dốc lớn, tiêu tập trung, thường phát sinh ứng hạn, kênh mương dài thường xuyên bị bồi lấp, hư hỏng do các yếu tố thiên nhiên mưa bão, chi phí tu bổ nạo vét kênh mương, sửa chữa công trình thường xuyên hàng năm rất lớn, chi phí tiền điện tiêu ứng, chống hạn tăng so với

các khu vực khác, bên cạnh đó chính sách tiền lương tối thiểu hàng năm tăng thêm, lạm phát, giá cả nguyên vật liệu biến động, giá điện, xăng dầu tăng cao..v.v do vậy theo mức thu thủy lợi phí theo Nghị định số 115/2008/NĐ-CP không đủ bù đắp chi phí cho hoạt động sản xuất, doanh nghiệp khó khăn về kinh phí hoạt động.

+ Nghị định số 115/2008/NĐ-CP không thể chế rõ mức thu đối với hình thức tưới vượt cấp và chi tiết biện pháp, hình thức tưới cho cây màu, cây vụ đông, cấp nước nuôi trồng thủy sản.

+ Trong các quy định hiện hành, còn chưa có quy định về việc tiêu cho các khu công nghiệp, đô thị (tiêu nước phi nông nghiệp), mặc dù hầu hết việc tiêu thoát nước cho các khu vực này đều chảy qua hệ thống công trình thủy lợi. Theo quy định của Nghị định có quy định về miễn thủy lợi phí đối với đất sử dụng cho lâm nghiệp, nhưng trong các mức thu và hướng dẫn cụ thể chưa có, nên chưa thực hiện được.

+ Hệ thống công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh đã được xây dựng và đưa vào khai thác đã lâu, kinh phí dành cho duy tu sửa chữa thiếu, không đáp ứng được yêu cầu, nên đã xuống cấp nghiêm trọng, hiệu quả tưới, tiêu thấp.

+ Việc hiểu chính sách về miễn thu thủy lợi phí của một số địa phương và người dân chưa thật đầy đủ. Đa số các địa phương (xã, phường) và người dân hiểu miễn thu thủy lợi phí là miễn toàn bộ, không có việc quy định thêm thu phí dịch vụ lấy nước từ sau công đầu kênh đến mặt ruộng (phí nội đồng) nên việc triển khai thu phí nội đồng không khả thi (thực tế trên địa bàn tỉnh từ khi Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quyết định số 150/2013/QĐ-UBND ngày 02/5/2013 và Quyết định số 639/2013/QĐ-UBND ngày 29/11/2013 về mức trần thu phí nội đồng, theo báo cáo của các Công ty TNHH một thành viên KTCTTL và các tổ Hợp tác dùng nước thì chưa thực hiện được việc thu phí nội đồng).

+ Các tổ chức dùng nước ở địa phương chưa hoàn chỉnh về tổ chức, quy chế hoạt động thiếu cơ sở vật chất, cán bộ chưa qua đào tạo, còn hạn chế về chuyên môn nghiệp vụ, chưa hiểu rõ chế độ quản lý tài chính trong HTX, tổ hợp tác nên còn lúng túng trong quá trình thực hiện.

+ Việc cấp kinh phí hỗ trợ miễn thu thủy lợi phí từ Trung ương cho địa phương hàng năm còn thiếu và chưa kịp thời.

- Quy định quy mô công đầu kênh theo Thông tư số 65/2009/TT-BNNPTNT: Theo quy định tại Quyết định số 97/2010/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bắc Giang, quy mô công đầu kênh là công trình dẫn nước tưới hoặc tiêu có diện tích thiết kế nhỏ hơn hoặc bằng 50 ha, đối với tỉnh Bắc Giang việc quy định như trên là phù hợp với thực tế của địa phương.

- Diện tích và kinh phí cấp bù miễn thu thủy lợi phí theo dự toán và quyết toán từ năm 2010 đến 2012 như sau:

+ Năm 2010 diện tích dự toán là 135.423 ha, diện tích quyết toán là 134.468 ha, kinh phí dự toán là 66.965.590.428 đồng, kinh phí quyết toán là 67.845.066.062 đồng.

+ Năm 2011 diện tích dự toán là 144.388 ha, diện tích quyết toán là 140.814ha, kinh phí dự toán là 72.282.664.872 đồng, kinh phí quyết toán là 70.974.890.897 đồng.

+ Năm 2012 diện tích dự toán là 147.634 ha, diện tích quyết toán là 145.331 ha, kinh phí dự toán là 74.386.878.314 đồng, kinh phí quyết toán là 74.155.588.560 đồng.

(có biểu Phụ lục chi tiết kèm theo).

- Tình hình cấp phát kinh phí miễn thu thủy lợi phí của tỉnh Bắc Giang từ năm 2010 đến năm 2012 như sau: Năm 2010 cấp được 67.845.066.000 đồng bằng số quyết toán của tỉnh, Năm 2011 cấp được 70.021.000.000 đồng còn thiếu 953.890.897 đồng; Năm 2012 cấp được 70.021.000.000 đồng còn thiếu 4.134.588.560 đồng.

2. Tồn tại, đề xuất giải pháp và kiến nghị

- Việc cấp kinh phí hỗ trợ miễn thu thủy lợi phí từ Trung ương cho địa phương hàng năm còn thiếu và chưa kịp thời, đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Tài chính cấp đủ kinh phí miễn thu thủy lợi phí và đúng thời gian theo quy định.

- Đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT hỗ trợ kinh phí đầu tư sửa chữa, cải tạo, nâng cấp các công trình hiện có để nâng cao năng lực công trình, đáp ứng yêu cầu sản xuất nông nghiệp.

- Đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT tổ chức các lớp tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cho các tổ chức dùng nước về chuyên môn, nghiệp vụ về quản lý đập, hồ chứa, về quản lý, sử dụng tài chính và cấp chứng chỉ cho các cán bộ làm công tác quản lý đập, hồ chứa và hỗ trợ kinh phí tập huấn và đào tạo cán bộ đáp ứng yêu cầu trình độ và năng lực quản lý.

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền phổ biến chính sách pháp luật của Nhà nước về quản lý, khai thác công trình thủy lợi.

Nơi nhận 

- Tổng cục Thủy lợi (b/c);

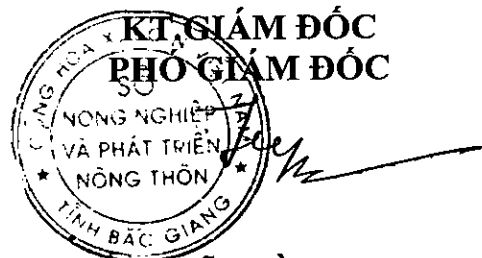
- Lưu VT, CCTL;

* **Bản điện tử**

- UBND tỉnh (b/c);

- GD, Phó GD Nguyễn Hồng Kỳ;

- Phòng KH-TC Sở.



Nguyễn Hồng Kỳ

PHỤ LỤC: TỔNG DIỆN TÍCH VÀ KINH PHÍ CẤP BÙ MIỄN THU THỦY LỢI PHÍ

Số báo cáo số .../BC-SNN ngày 09 tháng 01 năm 2014)



T	Đơn vị	Năm 2010						Năm 2011						Năm 2012											
		Dự toán		Quyết toán		Dự toán		Quyết toán		Dự toán		Quyết toán		Dự toán		Quyết toán									
		Diện tích (ha)	Kinh phí (đồng)	Diện tích (ha)	Kinh phí (đồng)	Diện tích (ha)	Kinh phí (đồng)	Diện tích (ha)	Kinh phí (đồng)	Diện tích (ha)	Kinh phí (đồng)	Diện tích (ha)	Kinh phí (đồng)	Diện tích (ha)	Kinh phí (đồng)	Diện tích (ha)	Kinh phí (đồng)								
1	Tổng (1+2) Khởi Công ty, đơn vị sự nghiệp khai thác công trình thủy lợi cấp Công ty TNHH MTV CTTL cấp tỉnh	135.423	66.965.590.428	134.468	67.845.066.062	144.388	72.282.664.872	140.814	70.974.890.897	147.634	74.386.878.314	145.331	74.155.588.560	86.310	41.670.559.760	88.240	43.319.397.998	90.958	45.112.529.904	90.770	45.011.817.117	92.976	46.505.979.398	92.838	46.619.909.044
2	Ủy ban nhân dân cấp huyện	49.113	25.295.030.668	46.228	24.525.668.064	53.429	27.170.134.968	50.044	25.963.073.780	54.658	27.880.898.916	52.493	27.535.679.516	49.113	25.295.030.668	46.228	24.525.668.064	53.429	27.170.134.968	50.044	25.963.073.780	54.658	27.880.898.916	52.493	27.535.679.516
	Tổ chức HTDN độc lập	49.113	25.295.030.668	46.228	24.525.668.064	53.429	27.170.134.968	50.044	25.963.073.780	54.658	27.880.898.916	52.493	27.535.679.516	49.113	25.295.030.668	46.228	24.525.668.064	53.429	27.170.134.968	50.044	25.963.073.780	54.658	27.880.898.916	52.493	27.535.679.516